

QUYỀN CON NGƯỜI TRONG TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

LÊ ĐỨC HANH^{*}

Năm 1776, trong *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Mỹ, vấn đề quyền con người đã được đề cập một cách rõ ràng: *“Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”*. Năm 1791, *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp cũng đã nói: *“Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”*. Hai bản tuyên ngôn này đã được Hồ Chí Minh làm cơ sở khi khởi thảo viết *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* ngày 2 tháng 9 năm 1945, khai sinh ra Nhà nước Việt Nam độc lập, tự do, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: *“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”*. Điều đáng nói là trong các bản *Tuyên ngôn Độc lập* này, quyền con người đã được nhắc đến như một quy luật tất yếu mà tạo hóa đã ban tặng cho mỗi con người. *“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được”*.

Khi nói tới quyền con người, có nghĩa là đề cập tới tất cả các quyền lợi gắn với mỗi cá thể như quyền được sinh tồn, quyền được cư trú, quyền được tị nạn, quyền được kết hôn, quyền được hội họp, quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, quyền được hưởng sự giáo dục, quyền được hưởng sự giải trí, v.v... Tóm lại, tất cả các

nhu cầu của con người đều được đề cập và gắn vào trong cụm từ “quyền con người”. Bởi phạm vi rất rộng của khái niệm này, nên không ai có thể đi sâu vào tất cả các lĩnh vực của quyền con người. Bài viết này chỉ đề cập đến quyền con người trong tín ngưỡng, tôn giáo và giới hạn trong phạm vi Việt Nam mà không đề cập đến quyền con người trong tôn giáo ở các nước khác trong khu vực hoặc quốc tế vì bởi chính vấn đề rất rộng của nó. Hơn nữa, mỗi quốc gia, trong quá trình thực thi quyền con người, cũng có những khác biệt và đặc thù riêng.

1. Khái niệm về quyền con người và quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của con người.

Nhân quyền hay *Quyền con người* là những quyền tự nhiên của con người và không bị tước bỏ bởi bất cứ ai và bất cứ chính thể nào.

Mọi con người được sinh ra đều bình đẳng và được Tạo hóa ban cho một số quyền không thể tước bỏ, như quyền sống, quyền tự do, quyền nói, quyền ngôn luận, quyền làm giàu, quyền được mưu cầu hạnh phúc.

Trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Hoa Kỳ, Thomas Jefferson đã đưa ra một nguyên tắc cơ bản làm cơ sở cho sự thành lập chính phủ dân chủ. Các chính phủ trong thể chế dân chủ không ban phát các quyền tự do cơ bản mà Jefferson đã nêu, mà chính các chính phủ đó được lập ra để bảo vệ các quyền tự do đó - các quyền mà

*. Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

mọi cá nhân hiển nhiên có do sự tồn tại của mình.

Theo quan điểm của các nhà triết học thời đại khai sáng của thế kỉ XVII và XVIII thì các quyền không thể tước bỏ được là các quyền tự nhiên do Tạo hóa ban cho họ. Các quyền này không bị phá huỷ khi xã hội dân sự được thiết lập và không một xã hội hay một chính phủ nào có thể xóa bỏ hoặc "chuyển nhượng" các quyền này.

Các quyền không thể tước bỏ bao gồm các quyền tự do ngôn luận và biểu đạt, quyền tự do tín ngưỡng và nhận thức, quyền tự do lập hội và quyền được bảo vệ bình đẳng trước pháp luật. Tuy nhiên, đây chưa phải là bản liệt kê đầy đủ các quyền con người mà các công dân có được trong một xã hội. Các nội dung chi tiết và các thủ tục của luật pháp liên quan tới quyền con người cần phải thay đổi tùy theo xã hội, nhưng tất cả các chính thể đều được giao trọng trách trong việc xây dựng các cấu trúc xã hội lập hiến, lập pháp để bảo đảm cho các quyền con người đó⁽¹⁾.

Như vậy quyền con người được hiểu ngắn gọn là các quyền tự nhiên mà Tạo hóa ban cho mỗi con người khi được sinh ra. Trong tất cả các quyền tự nhiên đó, quyền lớn nhất của con người là quyền được sinh tồn⁽²⁾. Mọi quyền tự nhiên đó, mọi cá nhân đều hiển nhiên có bởi sự tồn tại của mình. Đó là nguyên tắc cơ bản nhất trong vấn đề quyền con người.

Vậy, *quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là gì?*

Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một trong những quyền chính trị dân sự, được ghi nhận trong Tuyên ngôn Thế giới về Quyền con người năm 1948, và được tái khẳng định trong Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị của Liên Hiệp quốc năm 1966.

Điều 18: Ai cũng có quyền tự do tư tưởng, tự do lương tâm và tự do tôn giáo: quyền này bao gồm cả quyền tự do thay đổi tôn giáo hay tín ngưỡng và quyền tự do biểu thị tôn giáo hay tín ngưỡng qua sự giảng dạy, hành đạo, thờ phụng và nghi lễ, hoặc cá nhân hoặc với người khác, tại nơi công cộng hay tại nhà riêng⁽³⁾.

Việt Nam đã tham gia vào các văn kiện pháp lí quốc tế quan trọng này, và được chuyển tải rõ nét trong luật thực định.

Trong luật pháp quốc tế, quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo bao gồm các vấn đề: Tự do có, theo hoặc thay đổi một tôn giáo hay tín ngưỡng do cá nhân lựa chọn; tự do bày tỏ tín ngưỡng hoặc tôn giáo một mình hoặc trong cộng đồng với những người khác, công khai hoặc không công khai dưới các hình thức như thờ cúng, cầu nguyện, thực hành và truyền giảng. Tuy nhiên, các văn kiện pháp lí quốc tế cũng khẳng định: "Tự do tín ngưỡng và tôn giáo cũng không phải là tuyệt đối, các nhà nước có thể hạn chế các tự do này nếu đó là cần thiết để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự xã hội, sức khỏe, đạo đức của cộng đồng, hoặc bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khác khỏi bị xâm hại"⁽⁴⁾.

Như vậy, pháp luật quốc tế cũng thừa nhận quyền này không phải là tuyệt đối, các quốc gia có thể giới hạn, nếu sự giới hạn đó là cần thiết cho an ninh quốc gia, đạo đức xã hội và bảo vệ quyền cơ bản của người khác.

Những hạn chế về quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, được quy định trong công ước quốc tế, đều được các quốc gia thành viên áp dụng trong pháp luật nước mình. Theo đó, các loại hình tổ chức, hoạt

1. Khái niệm Nhân quyền trong từ điển mở Wikipedia.

2. Tuyên ngôn về nhân quyền 1948.

3. Tuyên ngôn về nhân quyền 1948.

4. Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị.

động tôn giáo “ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội” đều không được phép hoạt động, thậm chí còn bị loại bỏ, như Trung Quốc trấn áp Pháp Luân công, một tà giáo chỉ trong một thời gian ngắn đã khiến hơn 1.700 người Trung Quốc tin theo tự tử hoặc bị bệnh tâm thần; Nhật Bản cũng đã loại trừ giáo phái A-Um, một tà giáo đã dùng hơi độc tấn công ga tàu điện ngầm, v.v...

2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam về quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện tư tưởng Hồ Chí Minh với tín ngưỡng tôn giáo. Hơn nửa thế kỉ qua, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo được xây dựng trên cơ sở nhận thức và giải quyết các vấn đề tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Khi Mặt trận Việt Minh được thành lập, trong *Mười chính sách của Việt Minh* (1941), vấn đề tự do tín ngưỡng đã được đề cập tới:

“... Hội hè, tín ngưỡng, báo chương
Hợp hành, đi lại có quyền tự do”⁽⁵⁾

Và, ngay từ những ngày đầu thành lập nước, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã vạch ra những chính sách đúng đắn về tôn giáo. Trong cuộc họp Hội đồng Chính phủ lâm thời ngay sau ngày độc lập, Hồ Chủ Tịch phát biểu: “Hiện nay những vấn đề gì là vấn đề cấp bách hơn cả? Theo tôi, có 6 vấn đề:... Vấn đề thứ sáu: Thực dân và phong kiến tiến hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo và đồng bào lương, để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ra tuyên bố: Tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết”⁽⁶⁾.

Trong lời kết thúc buổi lễ ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam, Hồ Chủ Tịch phát biểu:

“Chúng tôi xin nói rõ để tránh mọi sự hiểu lầm:

Vấn đề tôn giáo thì Đảng Lao động Việt Nam hoàn toàn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của mọi người”⁽⁷⁾.

Năm 1954, trong *Thư chúc mừng đồng bào Công giáo nhân dịp Noel*, Hồ Chủ Tịch viết: “Nhân dịp này, tôi xin nhắc lại cho đồng bào rõ. Chính phủ ta thật thà tôn trọng tín ngưỡng tự do...”⁽⁸⁾.

Vài tháng sau, trong Hội nghị những người Công giáo yêu Tổ quốc, yêu hòa bình (8/3/1955), Hồ Chủ Tịch một lần nữa khẳng định chính sách lâu dài và chân thành của Đảng, Chính phủ đối với tôn giáo: “Hiến pháp đã ghi rõ chính sách tự do tín ngưỡng, Chính phủ nhất định làm đúng như vậy. Phải vạch trần những luận điệu xuyên tạc của bọn đế quốc và bè lũ tay sai hòng lừa dối, chia rẽ đồng bào, như chúng nói “Chính phủ cấm đạo”, và nhiều điều vô lí khác”⁽⁹⁾.

Tiếp đến, Hồ Chủ Tịch chỉ đạo rất sát việc soạn thảo Sắc lệnh về vấn đề tôn giáo và sau khi công bố (ngày 14/6/1955). Người thường xuyên theo dõi dư luận để có sự chỉ đạo thực hiện đúng đắn.

Sắc lệnh về vấn đề tôn giáo có 5 chương, 16 điều đề cập tới việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng; về những hoạt động kinh tế, văn hóa xã hội của các tôn giáo; về vấn đề ruộng đất của các tôn giáo; về quan hệ giữa chính quyền nhân dân và các tôn giáo. Có thể nói nội dung cơ bản của Sắc lệnh đã thể hiện tính chất lâu dài, chân thành về chính sách tôn giáo. Đó là chiến lược của cách mạng chứ không phải đối sách nhất thời.

5. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập III, Sđd, tr.152.

6. *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*, Nxb Sự thật, H, 1970, tr.121-122.

7. Báo Nhân dân, 25/3/1951.

8. Báo Nhân dân, 24/12/1954.

9. Dẫn theo: *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Nxb Khoa học xã hội, H, 1996, tr. 41.

Trong thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh càng coi trọng việc thực hiện chính sách tôn giáo. Người hiểu rằng, không thể có độc lập tự do khi nhân dân vẫn còn đói khổ. Theo cách nói của Hồ Chủ Tịch thì “nguyện vọng của đồng bào giáo dân là “phần xác no ấm, phần hồn thông dong”. Muốn như thế thì phải rá sức củng cố hợp tác xã, phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho xã viên. đồng thời phải đảm bảo tín ngưỡng tự do. Hồ Chủ Tịch đòi hỏi cán bộ làm công tác Mặt trận “phải chấp hành đúng chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng đối với tất cả các tôn giáo”⁽¹⁰⁾.

Quan điểm đó của Hồ Chủ Tịch tiếp tục được củng cố, phát triển và được thể hiện xuyên suốt qua các Hiến pháp (1946, 1959, 1980, 1992) cũng như các văn bản khác của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Sau Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), tình hình đất nước có những biến đổi về nhiều mặt và do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có nguyên nhân mở cửa và hội nhập quốc tế, tác động của kinh tế thị trường, nên trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo cũng phát sinh nhiều vấn đề phức tạp: một số người đã lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hành nghề mê tín dị đoan, thương mại hóa loại hoạt động này; các hoạt động truyền giáo của một số tổ chức tôn giáo bên ngoài, các phần tử thù địch ở trong nước và ngoài nước lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để kích động tin đồ tiến hành hoạt động chống đối nhà nước, nhằm phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, ảnh hưởng tiêu cực tới trật tự, an toàn xã hội.

Bên cạnh đó, trong công tác quản lí nhà nước, hệ thống bộ máy quản lí nhà nước về tôn giáo chưa được kiện toàn củng cố, lực lượng cán bộ còn nhiều bất cập, công tác tham mưu còn hạn chế, dẫn đến tình trạng một số cấp ủy, chính quyền cơ sở có nơi vừa có biểu hiện khắt

khe, lại vừa có biểu hiện buông lỏng: có nơi chủ quan, giản đơn trong quản lí, không kịp thời đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo vi phạm pháp luật. Vì vậy, dễ tạo sơ hở cho phần tử xấu lợi dụng vấn đề tôn giáo gắn với vấn đề dân tộc, tuyên truyền tư tưởng dân tộc hẹp hòi, đòi li khai, gây điểm nóng dễ bên ngoài lợi dụng, kích động xuyên tạc, vu cáo Việt Nam vi phạm nhân quyền và quyền tự do tôn giáo.

Trước tình hình đó, Nhà nước Việt Nam cho ban hành *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*. Đây là một việc làm rất kịp thời và rất cần thiết. Trong quá trình xây dựng các văn bản liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo, đặc biệt là Pháp lệnh tín ngưỡng tôn giáo, các nguyên tắc luôn được tuân thủ là: Tiếp tục quan điểm đổi mới trong công tác tôn giáo theo tinh thần Nghị quyết 24 (1990), Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và đặc biệt là những nội dung về công tác tôn giáo được xác định trong Nghị quyết 25/NQ, ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX. Pháp lệnh tín ngưỡng tôn giáo được xây dựng dựa trên cơ sở tổng kết sâu rộng quá trình thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và các pháp luật khác liên quan lĩnh vực này.

Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo bao gồm 6 chương 41 điều. Đối tượng điều chỉnh của Pháp lệnh là hai loại hoạt động: hoạt động tín ngưỡng và hoạt động tôn giáo.

Nhằm thể hiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo trong thời kì đổi mới, Pháp lệnh đã công bố một cách hệ thống quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Người dân

có quyền theo hoặc không theo một tôn giáo nào, được tự do bày tỏ đức tin tôn giáo của mình, được thực hành các nghi thức thờ cúng, cầu nguyện và tham gia các hình thức sinh hoạt phục vụ lễ nghi tôn giáo, học tập giáo lý, đạo đức tôn giáo, tín đồ đều bình đẳng trước pháp luật, đều được hưởng mọi quyền công dân và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công dân.

Các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam đều bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo, đồng thời phát huy những giá trị văn hóa đạo đức tôn giáo, gìn giữ những giá trị truyền thống của tín ngưỡng, tôn giáo. Nhà nước khẳng định việc bảo hộ cơ sở vật chất, tài sản của cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo như chùa, nhà thờ, thánh đường, thánh thất, điện, đền, am, miếu, trụ sở tổ chức tôn giáo, trường tôn giáo, kinh bồn và các đồ dùng thờ cúng của tín ngưỡng, tôn giáo. Nhà nước nghiêm cấm việc phân biệt đối xử vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo; vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân; lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để phá hoại hòa bình, độc lập, thống nhất đất nước, kích động bạo lực để tuyên truyền chiến tranh⁽¹¹⁾.

“Luật pháp Việt Nam chính là ý chí và nguyện vọng của hơn 86 triệu người dân Việt Nam. Hiến pháp và Luật pháp Việt Nam luôn đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng đối với những người theo tôn giáo và không theo tôn giáo”⁽¹²⁾.

Hiến pháp năm 1992 của Việt Nam cũng đã khẳng định: “Công dân có quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật, những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ”. Quy định này của Hiến pháp được cụ thể hóa trong các bộ luật của Việt Nam, như Điều 47 của Luật Dân sự năm 2005 quy định: “Cá nhân có quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo theo

hoặc không theo tôn giáo nào, không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng tôn giáo, hoặc lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để xâm phạm lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng, quyền lợi ích hợp pháp của người khác”.

Luật Tố tụng Hình sự năm 2003 quy định tố tụng hình sự tiến hành theo nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt dân tộc nam nữ, tín ngưỡng tôn giáo. Như vậy pháp luật nước ta một mặt thừa nhận và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, mặt khác nghiêm cấm các hành vi lợi dụng tôn giáo gây phương hại cho lợi ích xã hội, lợi ích người khác, hoặc chia rẽ sự đoàn kết giữa những người có đạo với người không có đạo hoặc giữa những người có đạo với nhau. Vấn đề này pháp luật định rõ: “Không ai được lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để xâm phạm lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng, quyền lợi ích hợp pháp của người khác. Hành vi chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, với các tổ chức xã hội cấu thành tội phạm hình sự”. Những hành vi đó sẽ bị xử lý, tùy theo tính chất mức độ vi phạm mà tiến hành áp dụng các hình thức xử lý thích hợp, mà hình thức xử lý cao nhất là xử lý hình sự. Điều 129. Bộ luật Hình sự năm 1999, quy định về tội xâm phạm quyền hội họp, lập hội, quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân.

Phù hợp với quy định của Công ước Quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị, về những giới hạn có thể áp đặt với quyền này, pháp luật Việt Nam bên cạnh việc

11. Báo *Nhân dân*, ngày 21 tháng 7 năm 2004.

12. Website của Chính phủ, trích nội dung trao đổi của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại buổi tiếp đoàn Ủy ban Tự do Tôn giáo Quốc tế Hoa Kỳ do ông Michael Lewis Cromartie, Chủ tịch Ủy ban dẫn đầu chiều 23/10/2007.

khẳng định quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, cũng đã quy định: “Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng hoặc lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước” (Điều 70, Hiến pháp 1992); “Chống mọi hành vi xâm phạm tự do tín ngưỡng tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để làm trái chính sách pháp luật của Nhà nước” (Điều 13, Luật Tổ chức Chính phủ). Bộ luật Dân sự 1995 cũng quy định cấm những hành vi xâm phạm tự do tín ngưỡng tôn giáo và các hành vi lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo. Như vậy, Hiến pháp và các luật thực định của Việt Nam đều đặt ra các giới hạn về quyền này, trên cơ sở đó các hành vi bị cấm được cụ thể hóa trong Nghị định 26/CP-1999 của Chính phủ. Đó là các hành vi: Hoạt động mê tín dị đoan; vận động tín đồ đóng góp (việc tổ chức quyền góp phải được chủ tịch UBND cấp tỉnh cho phép); Hoạt động trái tôn chỉ, mục đích, đường hướng hành đạo; in, sản xuất kinh doanh, lưu hành tàng trữ sách báo văn hóa phẩm có nội dung chống nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, gây chia rẽ tôn giáo, chia rẽ dân tộc, gây mất đoàn kết trong nhân dân. v.v...

Các quyền về dân sự và chính trị của con người được pháp luật quốc tế thừa nhận, và yêu cầu các quốc gia thành viên thừa nhận và thực hiện, tuy nhiên các quyền đó không phải là tuyệt đối, pháp luật quốc tế cũng quy định giới hạn nhiều quyền vì lợi ích của cộng đồng, lợi ích người khác, hoặc an ninh trật tự quốc gia, như quyền tự do đi lại, lựa chọn nơi ở; quyền tự do ý kiến và tự do ngôn luận; quyền lập hội, v.v. và quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo cũng là một quyền chịu sự giới hạn của luật pháp quốc tế. Việt Nam là một quốc gia thành viên của Liên Hợp quốc luôn luôn tôn trọng và cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều ước quốc tế đã tham gia ký kết hoặc công nhận. Bởi vậy, vấn đề quyền tự do tín ngưỡng tôn

giáo được quy định trong pháp luật Việt Nam đều phù hợp với tinh thần và nội dung của pháp luật quốc tế.

Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng khẳng định, Việt Nam luôn hướng tới mục tiêu vì quyền con người, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng. Việt Nam đã là thành viên của Liên Hợp quốc nên hiểu rất rõ những Tuyên bố, Quy ước về nhân quyền. Tuy nhiên, quyền con người phải được thực hiện trên cơ sở Hiến pháp và Luật pháp của mỗi quốc gia. Tất cả các tổ chức tôn giáo đủ điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam đều được đăng ký hoạt động và đều được tôn trọng. Bất kỳ ai lợi dụng nhân quyền và tôn giáo để chống lại chính quyền, nhà nước Việt Nam là vi phạm pháp luật và sẽ bị xét xử theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam⁽¹³⁾.

Có thể khẳng định rằng, Nhà nước Việt Nam nhìn nhận tín ngưỡng, tôn giáo là một nhu cầu tinh thần chính đáng của con người. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân là chính sách nhất quán của Nhà nước Việt Nam. Ngay sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh chính sách “tín ngưỡng tự do và Lương, Giáo đoàn kết” trong chương trình hành động của Chính phủ, coi đó là một trong những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam. Từ đó đến nay, Nhà nước Việt Nam luôn tôn trọng và bảo vệ quyền của các tín đồ được tự do thờ cúng và thực hành tín ngưỡng, tôn giáo và quyền này đã được khẳng định bằng một Điều trong văn bản pháp luật cao nhất của mỗi quốc gia (Điều 70, Hiến pháp 1992).

13. Website của Chính phủ, trích nội dung trao đổi của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại buổi tiếp đoàn Ủy ban Tự do Tôn giáo Quốc tế Hoa Kỳ do ông Michael Lewis Cromartie. Chủ tịch Ủy ban dẫn đầu chiều 23/10/2007.

Bên cạnh đó, nguyên tắc không phân biệt đối xử vì lý do tôn giáo còn được thể hiện trên mọi lĩnh vực như quyền bầu cử và ứng cử (Điều 54, Hiến pháp 1992), trong các quan hệ dân sự, lao động, kết hôn (các Điều 8, 35, 45 Bộ luật Dân sự và nhiều văn bản pháp quy khác như Bộ luật Tố tụng Hình sự, Luật Đất đai, Luật Giáo dục,...). Các tổ chức tôn giáo hợp pháp được pháp luật bảo hộ, được hoạt động tôn giáo, mở trường đào tạo chức sắc, xuất bản kinh sách, sửa chữa và xây dựng cơ sở thờ tự theo quy định của pháp luật. Nhà nước chủ trương giao đất cho cộng đồng tín đồ sử dụng lâu dài và đất đai của tôn giáo không phải chịu thuế như các loại đất khác (Điều 2, Nghị định 94/CP ngày 25/8/1994).

Luật pháp Việt Nam cũng nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân, cưỡng ép dân theo đạo, bỏ đạo hoặc phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo (Điều 8, Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo), đồng thời quy định các hình phạt thích đáng đối với các tội danh này (các Điều 87 và 129 Bộ luật Hình sự). Các quy định pháp lý trên hoàn toàn phù hợp với tinh thần và nội dung về tự do tín ngưỡng và tôn giáo đã được nêu trong Tuyên ngôn Nhân quyền và Điều 18 của Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị.

Có thể nhận rõ rằng: Chính sách tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được cụ thể hóa bằng những vấn đề sau:

1. Các tôn giáo ở Việt Nam được hoạt động tự do trong khuôn khổ của Hiến pháp và Pháp luật Nhà nước Việt Nam (Điều này cũng giống như ở các quốc gia khác và phù hợp với thông lệ quốc tế. Không có một tổ chức, cá nhân nào ở bất kỳ một quốc gia nào lại được hoạt động tự do ngoài vòng pháp luật của quốc gia đó).

Các tôn giáo ở Việt Nam được Nhà nước Việt Nam quan tâm, đáp ứng những nhu cầu tôn giáo căn bản:

- Tự do sinh hoạt tôn giáo
- Bảo hộ nơi thờ tự: xây mới nơi thờ tự
- Có trường đào tạo giáo sĩ, cho đi đào tạo ở nước ngoài
- Có kinh sách, ấn phẩm tôn giáo
- Được giao lưu quốc tế

2. Một tôn giáo ở Việt Nam muốn hoạt động hợp pháp phải đáp ứng đủ những tiêu chí căn bản: Có tín đồ tự nguyện tin theo; có giáo sĩ hướng dẫn việc đạo; có tôn chỉ mục đích hoạt động không trái với pháp luật Nhà nước; có hệ thống giáo lý, giáo luật phù hợp; có nơi thờ tự bảo đảm vệ sinh, an toàn; không hoạt động mê tín dị đoan làm tổn hại đến tinh thần, vật chất, sức khỏe của tín đồ và làm ảnh hưởng đến những quyền căn bản của người khác và phải đăng ký hoạt động với các quan Nhà nước có thẩm quyền. Những tổ chức tôn giáo không đáp ứng đủ những yêu cầu trên đều không được hoạt động. (Xin được nói rõ, đó là đối với tổ chức, còn tín đồ thì hoàn toàn tự do sinh hoạt tín ngưỡng tại gia đình và nơi thờ tự hợp pháp).

3. Nhà nước Việt Nam chỉ quan tâm đến tư cách, phẩm chất công dân của những người lãnh đạo các tôn giáo, không can thiệp vào trình độ tôn giáo của những người đó. Thực tế này được thể hiện trong quan hệ Việt Nam - Vatican những năm qua về việc bổ nhiệm các giám mục ở Việt Nam.

4. Từ trước tới nay, Việt Nam không xử tù, giam giữ, quản chế hành chính bất kỳ một nhân vật tôn giáo nào vì lý do tôn giáo. Mọi công dân Việt Nam đều bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước Việt Nam xử lý bằng pháp luật đối với bất kỳ một công dân Việt Nam nào vi phạm pháp luật, bất kể người đó theo tôn giáo hay không theo tôn giáo và xử lý bằng pháp luật mọi hành vi lợi dụng tôn giáo, mạo danh tôn giáo để gây rối trật tự xã

hội, phương hại đến an ninh quốc gia, tổn hại tinh thần, vật chất, sức khỏe của công dân.

5. Các tôn giáo ở Việt Nam được Nhà nước khuyến khích tham gia các hoạt động giáo dục, từ thiện, nhân đạo theo sự hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn.

6. Nhà nước Việt Nam không tịch thu bất cứ tài sản nào của các tôn giáo, ngoại trừ các tài sản đó được sử dụng như một công cụ nhằm phục vụ cho các hoạt động gây bạo loạn, lật đổ, chống lại Nhà nước và nhân dân.

7. Các tổ chức, cá nhân tôn giáo được tạo điều kiện thuận lợi để giao lưu quốc tế, được đi đào tạo ở nước ngoài (rất nhiều các tổ chức tôn giáo quốc tế đã vào Việt Nam giao lưu với các tổ chức tôn giáo Việt Nam mà không gặp bất cứ cản trở nào, ví dụ như: các Dòng tu Công giáo Quốc tế, một số Hội đồng Giám mục các nước, các tổ chức Phật giáo, đạo Tin lành nước ngoài...) ⁽¹⁴⁾.

Những nội dung nêu trên đã cho thấy quan điểm nhất quán của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam về quyền con người trong tín ngưỡng tôn giáo. Bên cạnh đó, Nhà nước Việt Nam còn tạo điều kiện cho người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được tự do sinh hoạt tôn giáo theo nhu cầu của họ. Theo đó: "Người nước ngoài đang cư trú hợp pháp tại Việt Nam nếu có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo cá nhân thì được chính quyền các cấp và các tổ chức tôn giáo hợp pháp của Việt Nam giúp đỡ để được sinh hoạt tôn giáo theo cách thức sau: Dự sinh hoạt chung với các tín đồ tôn giáo của Việt Nam tại một cơ sở thờ tự của tôn giáo tương ứng, hợp pháp và hiện có tại Việt Nam, trong các sinh hoạt tôn giáo tại cơ sở thờ tự mà các tổ chức tôn giáo hợp pháp của Việt Nam đã đăng ký với chính quyền địa phương" ⁽¹⁵⁾.

Như vậy, quyền con người trong tín ngưỡng tôn giáo được Đảng và Nhà nước Việt Nam tôn trọng và tạo mọi điều kiện để công dân trong nước cũng như người nước ngoài thực hiện. Chính sách "tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết" đã góp phần to lớn vào sự nghiệp đoàn kết toàn dân, kháng chiến thắng lợi, giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. Có thể chứng minh bằng lịch sử từ năm 1945 đến nay, Việt Nam không có một cuộc chiến tranh nào bắt nguồn từ vấn đề dân tộc, tôn giáo. Đồng bào theo các tôn giáo đều chung sống trong hòa bình, ổn định, hài hòa với đồng bào không có tín ngưỡng, tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Việt Nam cũng giống nhiều nước trong khu vực như Trung Quốc, Lào, Campuchia đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Luật Tôn giáo. Trong quá trình đó, các văn bản pháp luật liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo đã được ban hành tùy theo nhu cầu và tình hình xã hội mỗi thời kì. Nhưng nét chung nhất có thể nhận thấy rõ trong các văn bản đó là: Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam luôn luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của mỗi công dân, trong khuôn khổ của pháp luật. Điều này là sự phù hợp với Luật pháp quốc tế về quyền con người trong tín ngưỡng tôn giáo. Các quyền của mỗi cá nhân được Chính phủ tôn trọng và được tạo mọi điều kiện thực hiện. Trong việc thực hiện quyền con người tự do tín ngưỡng tôn giáo, Chính phủ Việt Nam không phân biệt người đó là công dân Việt Nam hay ngoại kiều, miễn là người đó đang sinh sống hợp pháp tại Việt Nam./.

14. Bài phát biểu của ông Lê Quang Vinh, Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ, trình bày tại cuộc họp báo chuyên đề tại Trung tâm Báo chí Đại hội sáng ngày 21/4/2001.

15. Thông tư số 03/1999/TT/TGCP Về sinh hoạt tôn giáo của người nước ngoài đang cư trú hợp pháp tại Việt Nam (16/6/1999).